**Informace o provozu MŠ, ceník služeb/**

**Thông tin về hoạt động trường mầm non, bảng giá dịch vụ**

**Informace o provozu MŠ/Thông tin về hoạt động trường mầm non**

**Ředitel/ka školy, kontakt:/Hiệu trưởng, liên hệ: ……………………………………………………….…………**

**Provoz MŠ v průběhu roku:** Školní rok začíná ………… a končí …………

**Hoạt động trường mầm non trong năm học:** Năm học bắt đầu ………… và kết thúc …………

**Denní provozní doba: ………. - ………**, pondělí – pátek

**Thời gian hoạt động hàng ngày:** **………. - ………**, thứ 2 – thứ 6

**Zápis dětí do MŠ na následující školní rok probíhá na jaře v termínu**: **……………….**

**Đăng ký vào trường mần non cho năm học tiếp theo diễn ra vào mùa xuân vào ngày**: **……………….**

(Děti ale mohou být do mateřské školy přijaty i v průběhu školního roku. / Nhưng trẻ em cũng có thể được nhận vào trường mầm non trong năm hoc.)

**Příchod dětí do MŠ:** do **……..**, čas příchodu lze upravit podle potřeb rodičů. Rodiče při příchodu osobně předají dítě učitelce.

**Đưa trẻ đến trường mầm non:** đến **……..,** thời gian đến có thể điều chỉnh theo nhu cầu của phụ huynh. Khi đưa con đến, phụ huynh đích thân giao con cho giáo viên.

**Odchod dětí z MŠ:** Po obědě od **……… do ……** nebo po odpoledním odpočinku od **………**. V doprovodu rodičů (zákonných zástupců) nebo v doprovodu pověřených osob. Pokud má dítě vyzvedávat někdo jiný než rodič (zákonný zástupce), je třeba vyplnit listinu zmocňující k vyzvedávání dítěte.

**Trả trẻ tại trường:** Sau giờ ăn trưa từ **……… đến ……** hoặc sau thời gian nghỉ trưa từ **………**. Trẻ về cùng phụ huynh (người đại diện pháp lý) hay những người được ủy quyền. Nếu người đến đón trẻ không phải là phụ huynh (người đại diện pháp lý), cần thiết phải điền giấy ủy quyền đón trẻ.

**Nepřítomnost dítěte:** Nepřítomnost dítěte nahlásí zákonný zástupce. To je možné telefonicky na čísle **……………** nebo do omluvného sešitu v šatně nebo emailem na e-mailovou adresu: ……..………………………………………………………….

**Trẻ vắng mặt:** Người đại diện pháp lý thông báo sự vắng mặt của trẻ. Có thể thông báo qua điện thoại số **……………** hoặc ghi vào quyển sổ trong phòng thay đồ hoặc qua hòm thư điện tử vào địa chỉ e-mail : ……..………………………………………………………….

Pozor, v předškolním ročníku je docházka **povinná** a nepřítomnost dítěte je **nutné omlouvat** (stejně jako v základní škole) podle školního řádu dané mateřské školy.

Lưu ý, năm học trước tiểu học đã là đi học **bắt buộc** và sư vắng của trẻ **cần xin phép** (cũng như ở trường tiểu học) theo nội quy trường mầm non cụ thể.

Obvyklé způsoby omlouvání jsou například (nehodící se škrtněte):/Những cách xin phép nghỉ thông thường ví dụ như (những gì không phù hợp hãy gạch đi):

- telefonicky/qua điện thoại (tel.:/số.: ...........................)

- e-mailem:/qua e-mail ………………..

- razítko nebo omluvenka od lékaře/con dấu hay giấy xin phép từ bác sĩ

**Stravování**: Stravování zajišťuje MŠ, ve školní kuchyni se připravuje: snídaně, svačiny, oběd (polévka a hlavní jídlo). Děti mají po celý den k dispozici tekutiny. Jídelní lístek je zpracován na celý týden a zveřejněn **………………………………………………………………..…**

**Ăn uống**: Các bữa ăn được cung cấp bởi trường mẫu giáo, trong nhà bếp của trường: ăn sáng, ăn phụ, ăn trưa (súp và món chính). Trẻ được cung cấp nước uống trong cả ngày. Thực đơn được chuẩn bị trước cho cả tuần và được công bố **………………………………………………………………..…**

**Odhlášení, přihlášení obědů: …………… do ……………** na aktuální den.

**Cắt và đăng ký ăn trưa:** **…………… đến ……………** cho ngày hiện tại.

**Ceny služeb MŠ/Giá những dịch vụ trường mầm non**

**- Jednorázový registrační poplatek při nástupu dítěte do MŠ: ……………**

**- Lệ phí đăng ký duy nhất khi trẻ nhập học vào trường mầm non: ……………**

**- Měsíční školné: ……………**

**- Học phí: ……………**

**- Vzdělávání v MŠ je bezplatné pro děti v povinném předškolním ročníku.**

**- Học tại trường mầm non được miễn phí cho những trẻ đang trong học lớp trước tiểu học bắt buộc**

**- Poplatky za stravování:/Chi phí ăn uống:**

Cena polodenní stravy pro dítě 3-6let je **……………** Kč/den, cena polodenní stravy pro dítě s odkladem školní docházky je **……………** Kč/den.

Chi phí ăn uống nửa ngày dành cho trẻ 3-6 tuổi là **……………** Kč/ngày, chi phí ăn uống nửa ngày cho trẻ được hoãn đi học bắt buộc là **……………** Kč/ngày.

Strava celodenní je **……………**Kč/den (dítě 3 - 6let) a **……………**Kč/den (dítě s odkladem).

Ăn uống cả ngày giá **……………**Kč/ngày (trẻ em 3 – 6 tuổi)và **……………**Kč/ngày (trẻ hoãn đi học).

- Výše plateb je pro všechny zapsané děti stejná a platí po celý školní rok (září-srpen).

- Số tiền thanh toán đồng đều cho tất cả các học sinh có đăng ký và có giá trị trong suốt năm học (tháng 9 – tháng 8).

**- Zákonný zástupce uhradí poplatky každý měsíc do:** **……………** den v měsíci

**- Người đại diện pháp lý thanh toán các khoản chi phí hàng tháng đến ngày:** **……………** trong tháng

**- Platbu provede převodem na účet: ………………………………………** pod přiděleným variabilním symbolem **……………** (dostane od ředitelky na začátku docházky do MŠ).

**- Thanh toán bằng cách chuyển khoản vào tài khoản số: ………………………………………** dưới mã số tham chiếu được chỉ đinh **……………** (sẽ nhận được từ hiệu trưởng ngay khi bắt đầu vào học tại trường mầm non).